

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính
Ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021-2025

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hoà Bình;

Căn cứ Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Cải cách hành chính ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ Sở và Thủ trưởng các đơn vị, trường học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- GĐ, các Phó GĐ Sở;
- Website ngành;
- Lưu :VT, VP, NTO(05).

Bùi Thị Kim Tuyến

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SGD&ĐT ngày /11/2021 của
Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình)

I. QUAN ĐIỂM

1. Cải cách hành chính phải được tiến hành trên cơ sở quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

2. Các nội dung cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn và góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo theo từng giai đoạn.

3. Cải cách hành chính phải lấy người dân, các tổ chức, doanh nghiệp, học sinh, phụ huynh (gọi tắt là tổ chức, cá nhân) làm trung tâm; lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của ngành GD&ĐT.

4. Cải cách hành chính phải gắn liền với nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động sáng tạo; đổi mới lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại, trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động quản lý GD&ĐT; tận dụng có hiệu quả thành tựu, tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với lộ trình, bước đi phù hợp.

5. Cải cách hành chính phải kế thừa, phát huy những thành tựu đã đạt được trong giai đoạn vừa qua; tiếp thu những kinh nghiệm, những bài học thành công trong cải cách hành chính của ngành GD&ĐT, của các địa phương để vận dụng vào thực tiễn một cách phù hợp.

6. Chủ đề cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 là: “Kỷ luật, trách nhiệm, minh bạch, sáng tạo, phát triển”. Khi xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các đề án, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ về cải cách hành chính phải theo phương châm 5 dễ, đó là “Dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm, dễ đánh giá, dễ kiểm tra, giám sát”.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng hệ thống cơ quan hành chính nhà nước về giáo dục và đào tạo chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân.

Cải cách hành chính ngành GD&ĐT giai đoạn 2021-2025 tập trung vào 6 nội dung, đó là: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

Trọng tâm cải cách hành chính: Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành GD&ĐT chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đặc biệt trong điều kiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

2.1. Cải cách thể chế

- Chủ động tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, phù hợp với tình hình thực tiễn của ngành và có tính khả thi cao; tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và học sinh, sinh viên.

- 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật hàng năm được kiến nghị xử lý kịp thời.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính

- Cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 20% số quy định và cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31/5/2020;

- Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, giảm chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân;

- Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử;

- Năm 2021, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở GD&ĐT đạt tỷ lệ tối thiểu là 30%; giai đoạn 2022-2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

- Tối thiểu 90% thủ tục hành chính, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, có ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%;

- Mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân về giải quyết thủ tục hành chính đạt mức tối thiểu 90%.

- Mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân về cung cấp dịch vụ giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%;

- 90% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời;

- 80% tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công

thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ (các thông tin, giấy tờ, tài liệu phải cập nhật mới hoặc bổ sung, thay thế).

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Tiếp tục tham mưu rà soát, sắp xếp hệ thống mạng lưới trường, lớp học theo đúng quy định pháp luật, phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh;

- 100% cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp giáo dục được quy định đầy đủ, rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị;

- Đẩy mạnh phân cấp quản lý, phân công rõ trách nhiệm và thẩm quyền giữa các cấp lãnh đạo, giữa tập thể và cá nhân theo nguyên tắc hiệu quả và rõ trách nhiệm.

- Giảm 5% số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

2.4. Cải cách chế độ công vụ

- Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong giới thiệu ứng cử, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút những người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập;

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đủ về số lượng; cơ cấu hợp lý; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; năng động, sáng tạo, chú trọng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định và đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT trong giai đoạn mới;

- 100% cơ quan quản lý giáo dục, đơn vị sự nghiệp ngành GD&ĐT có cơ cấu, số lượng cấp phó đảm bảo theo đúng quy định;

- Hoàn thành việc bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức dôi dư do tác động của việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy.

2.5. Cải cách tài chính công

- Nâng mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công (trừ đơn vị sự nghiệp công không có nguồn thu từ sự nghiệp), đảm bảo 30% số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm từ 10% đến 15% chi thường xuyên.

2.6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Hoàn thành việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh với Dịch vụ công quốc gia;

- 100% các báo cáo của tỉnh được khai thác, sử dụng phục vụ trong công tác quản lý khi đã được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia theo quy định;

- 90% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 50% hoạt động kiểm tra của Sở GD&ĐT được thực hiện thông qua môi trường số và các hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

- 80% các hệ thống thông tin của Sở GD&ĐT có liên quan đến tổ chức, cá nhân đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của tổ chức, cá nhân đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu không phải cung cấp lại.

III. NHIỆM VỤ

Thực hiện theo phụ lục các nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 kèm theo Kế hoạch này.

IV. GIẢI PHÁP

1. Trưởng phòng chức năng, chuyên môn, nghiệp vụ Sở, Thủ trưởng các đơn vị, trường học trực thuộc có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính trong phạm vi quản lý; xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả nhiệm kỳ công tác. Xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm của từng đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện cải cách hành chính. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hằng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, trường học. Chú trọng công tác thi đua khen thưởng trong cải cách hành chính.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin để cán bộ, công chức, viên chức và người dân nhận thức đúng, đồng thuận, chấp hành các chủ trương, chính sách, nội dung cải cách hành chính. Tăng cường sự tham gia của các đoàn thể trong việc giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của cơ quan hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ. Cần phải tiếp tục sử dụng công cụ, biện pháp thiết thực để phát huy dân chủ, thực hiện quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính, như tăng cường lấy ý kiến người dân đối với việc xây dựng thể chế, chính sách, đánh giá tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức; lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công là thước đo chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước.

3. Huy động và bố trí đủ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Nâng cao năng lực nghiên cứu và tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Thường xuyên bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức, viên chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ cải cách hành chính của đơn vị. Ưu tiên, bố trí đủ nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

4. Siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; kịp thời đưa ra khỏi bộ máy những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, mất uy tín với nhân dân. Tạo động lực cải cách bên trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng nhiều biện pháp: Đề cao trách nhiệm cá nhân trong thực thi công vụ; quan tâm đến

chính sách lương, thưởng thỏa đáng; đổi mới phương thức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả công việc; có cơ chế, chính sách khuyến khích về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển cho những cá nhân có trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo trong thực hiện cải cách hành chính.

5. Tiếp tục tham gia nghiên cứu, góp ý hoàn thiện và thực hiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả cải cách hành chính hàng năm của các Sở, Ban, ngành; tăng cường đổi mới nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong đánh giá.

Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục công lập dưới nhiều hình thức và các nội dung quản lý nhà nước khác nhau. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, truyền thông trong khảo sát trực tuyến tổ chức, cá nhân để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục, kịp thời về tình hình phục vụ của ngành GD&ĐT.

6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan quản lý giáo dục nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của ngành GD&ĐT.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở

- Là đầu mối giúp Lãnh đạo Sở hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các phòng chức năng, chuyên môn, nghiệp vụ Sở, các đơn vị, trường học trực thuộc Sở tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Tổng hợp tình hình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, báo cáo định kỳ quý I, 6 tháng, 9 tháng, hằng năm hoặc đột xuất, chuyên đề, gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trình Lãnh đạo Sở ban hành Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm, trong đó cụ thể theo từng thời gian, từng lĩnh vực, phân công rõ nhiệm vụ, sản phẩm, thời gian hoàn thành và trách nhiệm thực hiện của từng phòng chức năng, chuyên môn, nghiệp vụ Sở; đề xuất kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính; tham mưu giúp lãnh đạo Sở tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng chức năng, chuyên môn, nghiệp vụ Sở trong công tác tuyên truyền về cải cách hành chính nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm công chức, viên chức trong thực thi công vụ, nhiệm vụ, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia vào công cuộc cải cách và thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng chức năng, chuyên môn, nghiệp vụ Sở triển khai thực hiện nội dung cải cách thể chế; đổi mới và nâng cao chất lượng

công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật; cải cách thủ tục hành chính; hệ thống thông tin báo cáo; dịch vụ công trực tuyến; hệ thống quản lý văn bản; tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ phụ trách công tác cải cách hành chính của các đơn vị, trường học.

- Bảo đảm chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức thực hiện công tác cải cách hành chính, đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính, làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh.

2. Phòng Tổ chức cán bộ

- Chủ trì phối hợp với các phòng chức năng, chuyên môn, nghiệp vụ Sở, các đơn vị liên quan tham mưu cho Giám đốc Sở triển khai các giải pháp đẩy mạnh cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Lãnh đạo Sở xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công của tỉnh giai đoạn 2022-2025.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Kế hoạch Tài chính lập dự toán kinh phí thực hiện Đề án đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công của tỉnh giai đoạn 2022-2025.

3. Phòng Kế hoạch Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các phòng chức năng, chuyên môn, nghiệp vụ Sở, các đơn vị liên quan tham mưu cho Giám đốc Sở hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các đơn vị, trường học triển khai thực hiện cải cách tài chính công.

- Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí thực hiện nhiệm vụ CCHC trong dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan chỉ đạo thực hiện chuyển đổi cơ chế tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập.

4. Các phòng chức năng, chuyên môn, nghiệp vụ Sở, các đơn vị, trường học

- Các phòng chức năng, chuyên môn, nghiệp vụ Sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tích cực phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ trong kế hoạch này.

- Các đơn vị, trường học chủ động xây dựng, ban hành kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025, kế hoạch CCHC hàng năm để tổ chức thực hiện; phân công rõ nhiệm vụ, sản phẩm, thời gian hoàn thành và trách nhiệm thực hiện của từng đơn vị và cán bộ, công chức.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt về mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính gắn với các Chương trình, kế hoạch của đơn vị mình.

5. Tổ Công nghệ Thông tin

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc nội dung xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các đơn vị, trường học; tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức.

6. Chế độ báo cáo

Định kỳ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, hàng năm hoặc đột xuất báo cáo (qua Văn phòng Sở) về kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính và báo cáo chuyên đề theo từng lĩnh vực:

- Phòng Tổ chức Cán bộ báo cáo về kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; thực hiện Đề án đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công của tỉnh.

- Phòng Kế hoạch Tài chính báo cáo về kết quả cải cách tài chính công, chuyển đổi cơ chế tự chủ tài chính.

- Tổ Công nghệ Thông tin báo cáo về thực hiện Chính quyền điện tử, Chính quyền số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin.

- Các đơn vị, trường học báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính định kỳ, đột xuất, gửi Văn phòng Sở tổng hợp.

- Văn phòng Sở báo cáo tổng hợp chung.

Trong quá trình triển khai thực hiện, những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất, các phòng chức năng, chuyên môn, nghiệp vụ, các đơn vị, trường học trực thuộc Sở kịp thời tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Sở (qua Văn phòng Sở) để xem xét, điều chỉnh./.

PHỤ LỤC

Kế hoạch triển khai nhiệm vụ Cải cách hành chính ngành GD&ĐT giai đoạn 2021-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SGD&ĐT ngày tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Sở GD&ĐT)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Sản phẩm	Phòng chủ trì	Phòng phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH				
1	Xây dựng Kế hoạch CCHC hàng năm	Kế hoạch	Văn phòng Sở	Các phòng CN,CM,NV; các đơn vị, trường học	Trước 15/01 hàng năm
2	Xây dựng Kế hoạch truyền thông CCHC giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch	Văn phòng Sở	Các phòng CN,CM,NV; các đơn vị, trường học	Quý I/2022
3	Tham gia góp ý xây dựng hệ thống thông tin CCHC của tỉnh	Văn bản góp ý	Văn phòng Sở	Các phòng CN,CM,NV	Năm 2022
4	Tham gia góp ý nâng cấp hệ thống phần mềm đánh giá chỉ số CCHC của tỉnh	Văn bản góp ý	Văn phòng Sở	Các phòng CN,CM,NV	Năm 2022
5	Xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công của tỉnh giai đoạn 2022-2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Phòng Tổ chức cán bộ	Các phòng CN,CM,NV	Năm 2022
6	Cử cán bộ, công chức tham gia tập huấn nghiệp vụ về CCHC	Cán bộ, công chức tham gia	Văn phòng Sở	Các phòng CN,CM,NV	Hàng năm
7	Kiểm tra công tác CCHC các đơn vị, trường học trực thuộc	Kế hoạch; Quyết định Thông báo Kết luận	Văn phòng Sở	Các phòng CN,CM,NV; các đơn vị, trường học	Hàng năm
8	Tham gia điều tra, xác định chỉ số CCHC và chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, TP	Các phiếu điều tra	Văn phòng Sở	Các phòng CN,CM,NV	Hàng năm

9	Nộp hồ sơ đánh giá, xếp loại Chỉ số CCHC hàng năm	Hồ sơ CCHC	Văn phòng Sở	Các phòng CN,CM,NV	Hàng năm
10	Nộp hồ sơ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm	Hồ sơ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ	Văn phòng Sở	Các phòng CN,CM,NV	Hàng năm
11	Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo và nâng cao chất lượng báo cáo về công tác CCHC	Báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm	Văn phòng Sở	Các phòng CN,CM,NV; các đơn vị, trường học	Hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, hàng năm
12	Tuyên truyền về công tác CCHC	Tin và bài viết	Văn phòng Sở	Các phòng CN,CM,NV; các đơn vị, trường học	Hàng năm
II	CÁC LĨNH VỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH				
1	Cải cách thể chế				
1.1	Xây dựng Kế hoạch rà soát văn bản QPPL hàng năm	Kế hoạch	Văn phòng Sở	Các phòng CN,CM,NV	Hàng năm
1.2	Rà soát, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ các văn bản QPPL về GD&ĐT	Báo cáo kết quả rà soát; Nghị quyết của HĐND tỉnh; Quyết định của UBND tỉnh	Các phòng CN,CM,NV	Văn phòng Sở	Hàng năm
1.3	Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến các VBQPPL về phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2022-2025	Kế hoạch	Phòng KHTC; Thanh tra Sở	Các phòng CN,CM,NV	Năm 2022
1.4	Kiểm tra, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về GD&ĐT	Kế hoạch; Quyết định; Báo cáo	Thanh tra Sở	Các phòng CN,CM,NV	Hàng năm
2	Cải cách thủ tục hành chính				
2.1	Ban hành Kế hoạch kiểm soát; Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính hàng năm	Kế hoạch kiểm soát; Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC	Văn phòng Sở	Các phòng CN,CM,NV	Hàng năm

2.2	Ban hành Kế hoạch truyền thông về công tác kiểm soát thủ tục hành chính hàng năm	Kế hoạch truyền thông	Văn phòng Sở	Các phòng CN,CM,NV	Hàng năm
2.3	Rà soát và đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 20% số quy định và cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31/5/2020	Báo cáo kết quả rà soát; Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa của Chủ tịch UBND tỉnh	Văn phòng Sở	Các phòng CN,CM,NV	Theo Kế hoạch của UBND tỉnh
2.4	Quyết định công bố danh mục TTHC mới ban hành; TTHC sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; TTHC bãi bỏ, hủy bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết tại 3 cấp chính quyền	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Văn phòng Sở	Các phòng CN,CM,NV	Sau khi Quyết định của Bộ GD&ĐT có hiệu lực thi hành
2.5	Thực hiện luân chuyển hồ sơ giải quyết TTHC giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan liên quan bằng phương thức điện tử	Báo cáo kết quả thực hiện (đảm bảo đến hết năm 2022 đạt 50% và từ năm 2023 trở đi, mỗi năm tăng tối thiểu 10%)	Văn phòng Sở	Các phòng CN,CM,NV	Hàng năm
2.6	Triển khai các nhiệm vụ theo Đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC” đã được TTCP phê duyệt tại Quyết định 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 và Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh (luân chuyển hồ sơ giải quyết TTHC giữa các cơ quan có liên quan bằng phương thức điện tử; thanh toán phí, lệ phí trực tuyến; số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC; đề xuất giải quyết hồ sơ TTHC theo hướng không phụ thuộc vào địa	Báo cáo kết quả thực hiện (bảo đảm đạt các mục tiêu theo Đề án và các mục tiêu của Kế hoạch)	Văn phòng Sở	Các phòng CN,CM,NV	Hàng năm

	giới hành chính; giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4)				
3	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính				
3.1	Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở GD&ĐT	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Phòng Tổ chức Cán bộ	Các phòng CN,CM,NV	Sau khi có Thông tư của Bộ GD&ĐT
3.2	Xác định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các phòng CN,CM,NV Sở GD&ĐT.	Quyết định của Giám đốc Sở GD&ĐT	Phòng Tổ chức cán bộ	Các phòng CN,CM,NV	Sau khi có Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
4	Cải cách chế độ công vụ				
4.1	Rà soát, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bản mô tả công việc và khung năng lực theo vị trí việc làm	Tờ trình	Phòng Tổ chức Cán bộ	Các phòng CN,CM,NV	Sau khi có hướng dẫn của TW hoặc khi không còn phù hợp
4.2	Hoàn thành việc bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức dôi dư do tác động của việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy	Báo cáo kết quả thực hiện	Phòng Tổ chức Cán bộ	Các phòng CN,CM,NV	Năm 2024
4.3	Hoàn thành việc bố trí, sắp xếp số lượng cấp phó của cơ quan Sở, các đơn vị, trường học trực thuộc	Báo cáo kết quả thực hiện	Phòng Tổ chức Cán bộ	Các phòng CN,CM,NV	Năm 2024
4.4	Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Kế hoạch	Phòng Tổ chức Cán bộ	Các phòng CN,CM,NV	Hàng năm
4.5	Tiếp tục thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai Đề án “Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ,	Báo cáo kết quả thực hiện	Phòng Tổ chức Cán bộ	Các phòng CN,CM,NV	Hàng năm

	công chức, viên chức giai đoạn 2019-2030”				
4.6	Thực hiện luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; Công văn số 1198/UBND-NC ngày 13/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh	Kế hoạch thực hiện; Quyết định chuyển đổi; Báo cáo kết quả thực hiện	Phòng Tổ chức Cán bộ	Các phòng CN,CM,NV; Các đơn vị, trường học	Hàng năm
4.7	Tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế	Kế hoạch; Quyết định; Báo cáo kết quả	Phòng Tổ chức Cán bộ	Các phòng CN,CM,NV; Các đơn vị, trường học	Hàng năm
4.8	Thực hiện Đề án triển khai hệ thống thông tin và thẻ điện tử cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hòa Bình	Báo cáo kết quả	Phòng Tổ chức Cán bộ	Các phòng CN,CM,NV; Các đơn vị, trường học	Năm 2022
4.9	Rà soát, phát hiện, lập danh sách những người có tài năng trong hoạt động công vụ theo kế hoạch của UBND tỉnh	Báo cáo rà soát và danh sách đề nghị	Phòng Tổ chức Cán bộ	Các phòng CN,CM,NV;	Quý II hàng năm
4.10	Rà soát, báo cáo danh sách đưa vào, đưa ra những người có tài năng trong hoạt động công vụ để thực hiện chính sách theo quy định	Báo cáo rà soát và danh sách đề nghị	Phòng Tổ chức Cán bộ	Các phòng CN,CM,NV;	Quý II hàng năm
5	Cải cách tài chính công				
5.1	Xây dựng phương án chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập sang tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Phương án chuyển đổi	Phòng KHTC	Các phòng CM,NV, các đơn vị, trường học liên quan	Năm 2022
5.2	Rà soát danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ	Báo cáo kết quả rà soát	Phòng KHTC	Các đơn vị, trường	Năm 2022

	sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật			học	
5.3	Tham gia góp ý dự thảo Tờ trình Nghị quyết của HĐND ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định về giá dịch vụ sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh	Văn bản góp ý	Phòng KHTC	Các phòng CM,NV; Các đơn vị, trường học	Hàng năm
5.4	Tham gia góp ý xây dựng quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh	Văn bản góp ý	Phòng KHTC	Các phòng CM,NV; Các đơn vị, trường học	Năm 2022
5.5	Tham gia góp ý xây dựng Tờ trình Nghị quyết về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giai đoạn 2022-2025	Văn bản góp ý	Phòng KHTC	Các phòng CM,NV; Các đơn vị, trường học	Quý IV/2021
5.6	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm đạt trên 90%	Báo cáo kết quả	Phòng KHTC	Các phòng CM,NV; Các đơn vị, trường học	Tháng 12 hàng năm
5.7	Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính ngân sách đạt 100%	Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của 02 năm, trước năm báo cáo	Phòng KHTC	Các phòng CM,NV; Các đơn vị, trường học	Tháng 12 hàng năm
6	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số				
6.1	Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh lên Cổng dịch vụ công quốc gia theo yêu cầu của Chính phủ	Báo cáo kết quả	Văn phòng Sở	Các phòng CN,CM,NV	Hàng năm

6.2	Tham gia xây dựng Kế hoạch hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để tích hợp vào hệ thống điều hành đô thị thông minh của tỉnh và phục vụ cho công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Văn bản góp ý	Tổ CNTT	Các phòng CN,CM,NV	Năm 2023
6.3	Tham gia đánh giá kết quả thí điểm và triển khai xây dựng đồng bộ Hệ thống các Trung tâm điều hành đô thị thông minh của tỉnh	Báo cáo đánh giá	Tổ CNTT	Các phòng CN,CM,NV	Năm 2022
6.4	Tham gia xây dựng Đề án đầu tư nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	Văn bản góp ý	Tổ CNTT	Các phòng CN,CM,NV	Năm 2022
6.5	Xây dựng kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử các thông tin, hồ sơ TTHC của các công dân khi thực hiện các giao dịch với các cơ quan nhà nước trên Cổng Dịch vụ công và hệ thống thông tin giải quyết TTHC	Báo cáo kết quả	Văn phòng Sở	Các phòng CN,CM,NV	Năm 2022
6.6	Đưa nội dung đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, an toàn thông tin vào trong các chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức và học sinh, sinh viên	Báo cáo kết quả	Các phòng CN,CM,NV	Văn phòng Sở	Hàng năm
6.7	Xây dựng và triển khai các ứng dụng: Thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến; quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp trên điện thoại thông minh	Báo cáo kết quả	Văn phòng Sở	Các phòng CN,CM,NV; các đơn vị, trường học	Năm 2022

